TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2024/HSPT
Ngày 10 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn
Bà Nguyễn Phương Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 121/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Đức T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2023/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/01/1980 tại Nam Định; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số B đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T1 (đã chết) và bà Đào Thị M sinh năm 1946; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 25/7/2023, đến ngày 03/8/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo (theo yêu cầu của Tòa án): Bà Đặng Thị Vân T2, Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị và 04 người làm chứng (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 25/7/2023, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố N đang làm nhiệm vụ đã phát hiện một nam thanh niên đứng một mình trước cửa nhà số B đường G, phường T, thành phố N có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, người này khai tên là Nguyễn Đức T sinh năm 1980, trú tại số B đường G, phường T, thành phố N; Tổ công tác đã phát hiện và thu giữ trong túi quần bên trái Thêm đang mặc 01 túi nilong màu trắng kích thước khoảng (3x5)cm bên ngoài dán băng dính màu đen, mở kiểm tra bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thế màu trắng, T khai nhận đó là túi ma túy tổng hợp dạng đá của T mang đi mục đích để bán cho khách kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị bắt giữ. Tổ công tác đã niêm phong vật ký hiệu M1, tạm giữ của Thêm 01 chiếc điện thoại di động màu đen đã cũ và đưa T cùng người làm chứng về trụ sở Công an thành phố N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đức T, đã phát hiện và thu giữ trong ngăn kệ ti vi trong phòng ngủ tầng 2 nhà Nguyễn Đức T 01 (một) một hộp bìa màu đen kích thước (16xl2x5)cm trên mặt có chữ AMOUR, bên trong có:

- 01 (một) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (12x9)cm bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu K1.

- 02 (hai) túi nilong màu trắng kích thước đều khoảng (7x4)cm bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, niêm phong ký hiệu K2.

- 01 (một) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (12x8)cm bên trong có 01 (một) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (7x4)cm; 01 (một) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (8x6,5)cm; 01 (một) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (8x8,5)cm bên trong mỗi túi đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Các vật chứng trên được cho vào 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu K3.

- 01 (một) lọ nhựa cao khoảng 07 cm có nắp màu cam bên trong gồm có:

+ 01 (một) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (7x4)cm; 01 (một) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (4x3,5)cm; 06 (sáu) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (2x2)cm, bên trong mỗi túi đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu K4.

+ 01 (một) túi nilong màu trắng kích thước khoảng (2,5x2,5)cm bên trong có 01 (một) viên nén hình ngũ giác màu tím và 02 (hai) viên nén hình chữ nhật màu vàng trên mặt mỗi viên đều có chữ Redbull được niêm phong ký hiệu K5.

(Thêm khai số mẫu vật được niêm phong ở trên là ma túy đá và 03 viên ma túy tổng hợp dạng thuốc lắc là của T mua về mục đích để bán kiếm lời).

Ngoài ra số vật chứng thu giữ nêu trên, còn tạm giữ trong tủ quần áo tại phòng ngủ trên tầng 2 nhà Nguyễn Đức T tổng số tiền 114.100.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 1190/KL-KTHS ngày 26/7/2023, Phòng K Công an tỉnh N xác định:

- Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 05 (năm) phong bì thư được niêm phong ký hiệu M1, K1, K2, K3 và K4 gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy Methamphetamine. Khối lượng mẫu M1: 0,735 gam; khối lượng mẫu K1: 29,125gam; tổng khối lượng mẫu K2: 14,349 gam; tổng khối lượng mẫu K3: 44,393 gam; tổng khối lượng mẫu K4: 6,548 gam.

- Mẫu gồm 01 (một) viên nén hình ngũ giác màu tím và 02 (hai) viên nén hình chữ nhật màu vàng trên mặt mỗi viên đề có chữ Redbull, được niêm phong ký hiệu K5 gửi giám định đều là ma túy; loại ma túy: MDMA; tổng khối lượng mẫu K5: l,159 gam.

Quá trình điều tra, truy tố, Nguyễn Đức T khai nhận:

Khoảng 12 giờ ngày 24/7/2023, Nguyễn Đức T đi ăn cháo ở vỉa hè trên khu vực đường H, thành phố N thì gặp hai người đàn ông khoảng 50 tuổi ngồi ăn cùng; Thêm nghe 02 người này nói họ là người ở Hải Phòng (T không biết tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại của 02 người đàn ông này). Trong lúc ăn cháo thì một trong hai người đàn ông hỏi T: "Có mua ma túy tổng hợp không?", T bảo "có". Hai người đàn ông hẹn Thêm khoảng 30 phút sau ra khu vực chợ gần B, thành phố N để giao dịch, Thêm nhất trí. Đến hẹn, T đến khu vực chợ B thì thấy hai người đàn ông gặp ở quán cháo đã đứng ở đó, T đưa cho hai người đàn ông số tiền 50.000.000 đồng để mua ma túy tổng hợp, một người đàn ông đưa cho T 01 túi ma túy đá và cho T 01 túi ni lông màu trắng bên trong có 03 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc). Thêm cầm số ma túy vừa mua được và 03 viên thuốc lắc mang về cất giấu mục đích chia nhỏ để bán kiếm lời (T không biết số ma tuý Thêm mua có khối lượng bao nhiêu). Khi về đến nhà, T lấy túi ma túy đá vừa mua chia vào một số túi ni lông kích cỡ khác nhau; sau đó, T lấy 01 túi ma túy đá được gói bằng ni lông màu trắng kích thước khoảng (3x5)cm dán băng dính màu đen bên ngoài và để trong túi quần của T mục đích nếu ai hỏi mua thì T sẽ bán, còn các túi ma túy đá khác và 03 viên thuốc lắc thì T bỏ vào trong lọ nhựa có nắp màu cam và để vào trong 01 một hộp bìa màu đen kích thước (16x12x5)cm trên mặt có chữ AMOUR rồi để hộp bìa màu đen này trong ngăn kệ ti vi trong phòng ngủ tầng 2 nhà T, mục đích cũng để ai mua thì bán.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 25/7/2023, có người đàn ông tên H nhà ở thành phố N gọi điện thoại cho T hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, T hẹn H đến khu vực gần nhà T để giao dịch. Sau khi nghe điện thoại của H thì T xóa số điện thoại đi. Lúc này trong túi quần T có sẵn 01 túi ma túy đá nên T đi ra ngoài đường đợi H đến để bán nhưng chưa gặp H thì bị Công an phát hiện bắt giữ như trên. T khai số tiền 50.000.000 đồng dùng để mua ma túy là do T tích cóp mà có; đối với số ma túy thu giữ tại nhà T,

T dự định bán với giá 200.000 đồng/01 gói ma tuý đá nhỏ, số ma tuý còn lại ai mua bao nhiêu thì Thêm bán bấy nhiêu.

Về nguồn gốc số tiền 114.100.000 đồng, tài liệu điều tra xác định: Toàn bộ số tiền này là của bà Đào Thị M (sinh năm 1946; trú tại số B khu A, phường M, thành phố N - là mẹ Thêm). Do T bị đục thủy tinh thể chuẩn bị đi mổ mắt nên ngày 23/7/2023 bà M đã đưa cho T.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2023/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm h khoản 3 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 18 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2023; phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức T 10 (mười) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm; phổ biến quyền kháng cáo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định.

3. Kháng cáo: Ngày 01/01/2024, bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Nguyễn Đức T giữ nguyên đơn kháng cáo.

4.2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T là Luật sư Đặng Thị Vân T2 phát biểu ý kiến: Luật sư nhất trí với bản án sơ thẩm về việc áp dụng tội danh, khung hình phạt. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết khi bị cáo giao dịch mua ma túy thì bị cáo hoàn toàn không biết khối lượng ma túy mua được là bao nhiêu; mặt khác, ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cha và mẹ của bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng huy chương như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thì trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bà Đào Thị M (là mẹ bị cáo) đã gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm Đơn trình bày có xác nhận của UBND phường T kèm theo một số chứng cứ mới thể hiện cha của bị cáo (ông Nguyễn Đức T1) là thương binh loại A, hạng 1/8 và được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng ba, ông T1 đã chết năm 1996 do vết thương tái phát; các anh chị của bị cáo đã có gia đình riêng, chỉ có bị cáo và bà M sống nương tựa vào nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những tình tiết mới nêu trên để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

4.3. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo

và người tham gia tố tụng khác chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì thấy bị cáo T trước khi bị bắt giữ là người có nhân thân tốt; cha và mẹ của bị cáo đều tham gia kháng chiến, được tặng thưởng Huy chương; sau khi xét xử sơ thẩm, bà Đào Thị M (là mẹ bị cáo) đã có Đơn trình bày được UBND phường T xác nhận kèm theo một số chứng cứ mới thể hiện cha của bị cáo T là thương binh nặng và được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng ba, ông T1 đã chết năm 1996 do vết thương tái phát; bà M hiện đã cao tuổi, có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức T; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức T thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi đã thực hiện và xác định Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm vào tội mua bán trái phép chất ma túy là đúng. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 02 giờ 40 phút ngày 25/7/2023, tại khu vực trước cửa nhà số B đường G, phường T, thành phố N, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố N đã phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Đức T đang cất giấu 0,735 gam Methamphetamine trong túi quần nhằm mục đích bán cho người khác. Khám xét tại nơi ở của T tại nhà số B đường G, phường T, thành phố N, Tổ công tác tiếp tục thu giữ 94,415 gam Methamphetamine và 1,159 gam MDMA, Thêm khai đã cất giấu số ma túy này để nhằm mục đích bán cho người khác kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện, thu giữ.

Với những hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố Nguyễn Đức T phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", thuộc trường hợp "Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này" quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội của bị cáo và đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt. Đồng thời, đã xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo thành khẩn khai báo, cha và mẹ của bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng huy chương. Từ đó, đã cân nhắc và quyết định xử phạt bị cáo 18 năm 06 tháng tù và phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy vậy, sau khi xét xử sơ thẩm thì bị cáo đã tác động gia đình nộp đủ số tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm; đồng thời, bà Đào Thị M (là mẹ bị cáo) đã gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm Đơn trình bày có xác nhận của UBND phường T kèm theo một số chứng cứ mới thể hiện cha của bị cáo (ông Nguyễn Đức T1) là thương binh nặng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (loại A, hạng 1/8) và được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng ba, ông T1 đã chết năm 1996 do vết thương tái phát; mẹ của bị cáo là bà M tuổi đã cao, sau khi bị cáo bị bắt thì bà M sống một mình. Những tình tiết nêu trên đã được Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu tại phiên tòa xác định là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng thêm cho bị cáo. Trên cơ sở đó, sửa một phần bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo một phần hình phạt, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2023/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

Áp dụng điểm h khoản 3 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Đức T 17 (mười bẩy) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2023; phạt bổ sung Nguyễn Đức T 10.000.000 (mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức T không phải chịu.

3. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 4 năm 2024).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền